

Số: 845/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn giảm học phí cho sinh viên
Học kỳ 1, Năm học 2022-2023 - Khóa 2019, Khóa 2020, Khóa 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, chính sách học bổng và hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật, hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số học kỳ 1 năm học 2022-2023 ngày 04 tháng 10 năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho 81 sinh viên có tên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

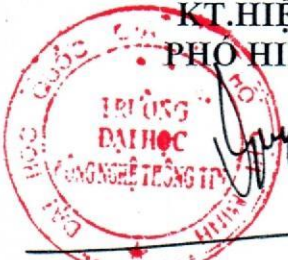
Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Kế hoạch Tài chính, các Phòng, Khoa có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN GIÁM HỌC PHÍ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023
KHÓA 2019, KHÓA 2020, KHÓA 2021

(Đính kèm theo Quyết định số 845 /QĐ-ĐHCNTT ngày 10 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
1	19520364	Đỗ Ngọc Ân	KHDL2019	Con thương binh	100%	
2	19521134	Nguyễn Trường Khang	KTPM2019	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
3	19521135	Kim Line	KTPM2019	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
4	19521136	Lý Sô Ly	KTPM2019	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
5	19521205	Nông Minh Anh	CNCL2019.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
6	19521230	Đỗ Việt Bách	HTTT2019	Con thương binh	100%	
7	19521232	Lý Thị Bạch	MMTT2019	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
8	19521356	Triều Quốc Đạt	CTTT2019.1	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
9	19521371	Châu Minh Đức	MTCL2019.1	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
10	19521403	Phan Đặng Tiến Dũng	CNTT2019	Con thương binh	100%	
11	19521412	Phạm Ngọc Dương	KHCL2019.1	Con thương binh	100%	
12	19521500	Nguyễn Đăng Minh Hiếu	MTCL2019.2	Con thương binh	100%	
13	19521519	Phạm Khánh Hòa	CTTT2019.1	Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH	100%	

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
14	19521562	Hoàng Văn Hùng	CNTT2019	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
15	19521574	Nguyễn Thanh Hưng	KTPM2019	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
16	19521684	Thạch Trần Khánh	CNTT2019	Sinh viên là DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
17	19522021	Nguyễn Công Phú	CNTT2019	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
18	19522065	Nguyễn Thị Minh Phương	KHTN2019	Con thương binh	100%	
19	19522189	Nguyễn Quang Thái	CNTT2019	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
20	19522310	Phạm Hoàng Thư	CNCL2019.3	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
21	19522370	Bùi Thanh Trà	CNTT2019	Con thương binh	100%	
22	19522494	Nguyễn Dương Tùng	PMCL2019.3	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
23	19522571	Huỳnh Phạm Việt Pháp	KHMT2019	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
24	19522572	Nguyễn Trí Tài	KHMT2019	Cha (mẹ) bị TNLD/TNNN	50%	
25	20520360	Nguyễn Thái Hoàng	KTPM2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
26	20520361	Nay Khai	CNTT2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
27	20520363	Danh Hữu Nghĩa	ATT2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
28	20520364	Lý Hồng Phong	KTPM2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
29	20520365	Vòng Nguyễn Phú	ATT2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
30	20520366	Lương Minh Tân	KTMT2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
31	20520367	Hoàng Anh Tuấn	CNTT2020	Sinh viên hệ cử tuyển	100%	
32	20520422	Nguyễn Minh Cường	HTTT2020	Sinh viên mồ côi	100%	
33	20520814	Đỗ Thành Tôn	KTMT2020	Sinh viên khuyết tật	100%	
34	20520864	Huỳnh Hoàng Vũ	KHTN2020	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
35	20521095	Bùi Chí Bảo	ATTT2020	Con bệnh binh	100%	
36	20521154	Sa Đàm	KTPM2020	Sinh viên là DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
37	20521182	Đinh Phúc Diên	KHMT2020	Con bệnh binh	100%	
38	20521190	Lê Quang Đông	HTTT2020	Sinh viên bị khuyết tật	100%	
39	20521230	Hoàng Ngọc Duy	MMCL2020	Sinh viên là DTTS ở vùng KTXH đặc biệt khó khăn	70%	
40	20521368	Nguyễn Minh Hùng	CNTT2020	Con bệnh binh	100%	
41	20521490	Phạm Kiên	KHCL2020.2	Con bệnh binh	100%	
42	20521529	Hà Văn Linh	KHMT2020	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
43	20521541	Vũ Thị Phương Linh	HTTT2020	Con bệnh binh	100%	
44	20521549	Nguyễn Tiến Lộc	KTPM2020	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%	
45	20521605	Ngô Thị Hiền Minh	KHMT2020	Con liệt sĩ	100%	
46	20521608	Nguyễn Hải Minh	MTCL2020.1	Con bệnh binh	100%	
47	20521784	Bùi Sỹ Quân	KTMT2020	Con bệnh binh	100%	
48	20521841	Ngô Trần Thái Sơn	ATCL2020	Con thương binh	100%	
49	20522082	Huỳnh Minh Trường	ATTT2020	Sinh viên khuyết tật	100%	
50	20522172	Nguyễn Quốc Vương	MTCL2020.2	Con bệnh binh	100%	
51	21520097	Trần Siêu	KHMT2021	Con thương binh	100%	
52	21520308	Lê Trung Kiên	MMTT2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%	
53	21520935	Phan Quốc Huy	MMTT2021	Con thương binh	100%	
54	21521031	Lê Quốc Kiệt	CNTT2021	Con thương binh	100%	
55	21521335	Phù Đức Quân	KTPM2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
56	21521360	Trần Phước Anh Quốc	PMCL2021.1	Con thương binh	100%	

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
57	21521776	Chu Văn Cường	KTPM2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
58	21521777	RaLan Jimmy	MMTT2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 07/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
59	21521778	Huỳnh Thanh Nguyên	KTMT2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 07/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
60	21521779	Trương Văn Quốc	CNTT2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
61	21521780	Hứa Văn Sương	CNTT2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
62	21521781	Đàm Hải Trứ	MMTT2021	Sinh viên hệ cử tuyển theo Quyết định số 08/QĐ-HĐTS ngày 10/7/2021	100%	
63	21521886	Nguyễn Thiện Bảo Châu	CTTT2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN	50%	
64	21521894	Ma Văn Chương	CNTT2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
65	21521896	Nguyễn Minh Công	HTCL2021	Sinh viên khuyết tật	100%	
66	21521954	Hà Thị Hồng Diệu	TMĐT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
67	21521968	Trần Nhật Đức	KHCL2021.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN	50%	
68	21522003	Nguyễn Khánh Duy	CNTT2021	Con thương binh	100%	
69	21522074	Lý Gia Hiếu	ATCL2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
70	21522105	Nông Hồng Hoạt	MTCL2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
71	21522165	Thị Vĩnh Huy	KHCL2021.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)	Ghi chú
72	21522178	Son Men Kải	CNTT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
73	21522244	Hà Đình Kiên	CNTT2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
74	21522344	Nguyễn Quang Minh	CNCL2021.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN	50%	
75	21522386	Cầm Bá Nguyễn	KHMT2021	Con thương binh	100%	
76	21522530	Hoàng Tất Quý	MMTT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
77	21522536	Nguyễn Phan Trúc Quỳnh	CNCL2021.2	Con thương binh	100%	
78	21522546	Thạch Sang	KTPM2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%	
79	21522548	Mã Seo Sầu	CNTT2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%	
80	21522559	Trương Hữu Trường Sơn	MTCL2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNHN	50%	
81	21522696	Nguyễn Thị Thu Trang	KHDL2021	Con bệnh binh	100%	

Tổng sinh viên được hưởng miễn giảm học phí theo danh sách: 81 sinh viên./.

Người lập bảng

KT. TRƯỞNG PHÒNG CTSV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Tường Vi

Lê Thị Minh Phương

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang